

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/DS-PT.

Ngày: 23-02-2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Huỳnh Thị Phương

2. Bà Trịnh Thị Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yên Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 23 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 16 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 377/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1972.

1.2. Bà Dương Thị S, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ tạm trú: số 73/45/80 đường Khuông Việt, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông C và bà S:* Ông Bùi Trường C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 3A69/1 Tỉnh lộ 10, xã Phạm Văn Hai, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1951.

Địa chỉ: số 08Đ/4 đường Nguyễn Văn Dương, khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn T:* Luật sư Vương Xuân K - Văn phòng Luật sư Kết Nối - Chi nhánh tại Sài Gòn thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: số 08Đ/4 đường Nguyễn Văn Dương, khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.2. Ông Phạm Bảo C, sinh năm 1978; địa chỉ: số 26/2A, ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn T

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/7/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị Mộng Tuyền đại diện nguyên đơn, trình bày:*

Nguồn gốc đất do vợ chồng ông C, bà S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại một phần thửa đất số 409, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.528m<sup>2</sup> từ bà Đỗ Lệ Khanh và ông Dương Quốc Lương. Ngày 18/12/2008, ông C, bà S được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 934, tờ bản đồ số 7, diện tích 81m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại khu vực 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đo thực tế, theo Mảnh Trích đo bản đồ địa chính khu đất, do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ duyệt ngày 17/9/2008. Khi nhận chuyển nhượng, ông C có cắm 4 trụ bê tông làm ranh, do điều kiện sinh sống ở xa nên khi xuống thăm đất thì phát hiện trên đất có hai căn nhà của bà Nguyễn Thị Long và nhà của ông Lê Văn T. Năm 2019, ông C khởi kiện bà Nguyễn Thị Long. Khi đo đạc thì mới biết nhà ông T cất trên thửa đất của ông C, nên ông C rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, ông C và bà S khởi kiện ông T.

Nay, ông C, bà S yêu cầu ông Lê Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị N tháo dỡ nhà và trả lại cho ông bà diện tích đất 81m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 934, tờ bản đồ số 7. ông C, bà S đồng ý tự nguyện hoàn lại giá trị căn nhà theo chứng thư định giá là 146.534.550 đồng. ông C và bà S xác định bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 934, hiện tại ông C, bà S đang giữ, không chuyển nhượng, thế chấp cho cá nhân, tổ chức nào.

*Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Ngày 05/5/2014, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Kết và ông Mai Văn Lâm tại thửa đất số 933, giá nhận chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, khi mua đất có đo đạc thực tế, ông Lâm đã giao đất cho vợ chồng ông quản lý từ đó đến nay. Ngày 11/6/2014, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 933, tờ bản đồ số 7, diện tích 94m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Cuối năm 2015, vợ chồng ông đã xây nhà với chi phí khoảng 180.000.000 đồng. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cầm cho ông Phạm Bảo

C để vay 1.200.000.000 đồng, theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/3/2019, với lãi suất 3%/tháng. Vợ chồng ông T chỉ ký hợp đồng ủy quyền với ông C, không ký giấy vay tiền.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C, bà S. Ông xác định không tranh chấp hợp đồng ủy quyền với ông C. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông tự tháo dỡ di dời nhà, không đồng ý nhận 146.534.550 đồng tiền bồi hoàn giá trị căn nhà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N trình bày: bà N và ông T là vợ chồng hợp pháp. Nguồn gốc thửa đất số 933 do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn Lâm và bà Đỗ Thị Kết vào năm 2014. Đến năm 2015, vợ chồng bà cất nhà để ở và sử dụng đến nay. Nay trước yêu cầu của ông C và bà S thì bà N không đồng ý, do bận công việc nên bà N xin vắng mặt.

2. Ông Phạm Bảo C trình bày: ông C có cho bà N, ông T vay số tiền 1.700.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ, không lập hợp đồng vay. Hai bên có ký hợp đồng ủy quyền. Hiện tại ông C đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 933 của ông T. ông T, bà N đã trả cho ông C 500.000.000 đồng, còn nợ lại 1.200.000.000 đồng. Nay, ông C, bà S tranh chấp với ông T, bà N thì ông C không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị được vắng mặt tại cấp phúc thẩm.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 24 Điều 3, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn C, bà Dương Thị S đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N phải tháo dỡ, di dời nhà ở và mái che, để trả lại quyền sử dụng đất diện tích 81m<sup>2</sup> tại thửa đất số 934, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông C, bà S. Vị trí, tứ cận đất theo Mảnh trích đo địa chính số 25-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 25/02/2022.

2. Về quyền lưu cư: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N được quyền lưu cư trong nhà ở và mái che xây dựng trên thửa 934, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thị trấn

Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 22/8/2022 bị đơn ông Lê Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn T thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cung cấp chứng cứ mới đối với thửa đất số 933, hiện tại bà Lều Thị Yên đã xây dựng nhà kiên cố và có giấy phép xây dựng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lều Thị Yên. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã thu thập thêm chứng cứ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ. Xét thấy, do trước đây người dân tự ý phân lô, bán nền tự phát không được sự quản lý chặt chẽ của Cơ quan quản lý đất đai tại địa hương nên dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị lộn thừa với nhau. Để giải quyết vụ án được triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên, cần phải đưa hết những người có đất liền kề tại vị trí phân lô nền để chuyển nhượng và chủ đất khi chuyển nhượng vào tham gia tố tụng để xác định đúng thửa đất mà mình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới giải quyết được triệt để vụ án.

Bởi các lẽ trên: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Bảo C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn T đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C và bà Dương Thị S thấy rằng:

[2.1] Ngày 03/11/2008, ông Đỗ Văn C và bà Dương Thị S có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại một phần thửa đất số 410, tờ bản đồ số 7, diện tích 81m<sup>2</sup>, loại đất CLN từ bà Đỗ Thị Khanh và ông Dương Quốc Lương. Sau đó, ông C đã thực hiện thủ tục cấp, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2008 đối với thửa đất số 934, tờ bản đồ số 7, diện tích 81m<sup>2</sup>, loại đất CLN, đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

[2.2] Ngày 05/5/2014, ông Lê Văn T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Kết và ông Mai Văn Lâm tại thửa đất số 933, tờ bản đồ số 7, diện tích 94m<sup>2</sup>, loại đất ODT, đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 11/6/2014, ông T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 933. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại chưa xác định được ông Mai Văn Lâm và bà Đỗ Thị Kết được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 933 được tách từ thửa đất nào để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T. Ngoài ra, tại thửa đất số 934 của ông C và bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là loại đất CLN, còn thửa đất số 933 do ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là loại đất ODT. Quá trình thu thập hồ sơ cấp giấy cũng không thể hiện ông C và bà S đã thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ loại đất CLN thành loại đất ODT. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T và bà N tháo dỡ nhà để trả lại diện tích đất 81m<sup>2</sup> cho ông C là không phù hợp đối với mục đích sử dụng đất mà ông C được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận.

[2.3] ông C và ông T đều trình bày khi nhận chuyển nhượng đất có đo thực tế. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có văn bản trưng cầu ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ. Tại công văn số 257/CN.VPĐKĐĐ-HCTH ngày 08/02/2023 và kèm theo toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ thể hiện: Thửa đất số 933 do ông Lê Văn T đứng tên và thửa đất số 934 do ông Đỗ Văn C và bà Dương Thị S cùng đứng tên có nguồn gốc tách từ thửa đất số 409, 410 cùng tờ bản đồ số 7, tại thị trấn Đ do bà Đỗ Lệ Khanh nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Trung vào ngày 26/5/2003. Sau quá trình cấp đổi, chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hình thành các thửa đất mới gồm các thửa đất số 933, 934, 941, 964, 966, 977 và một phần thửa đất số 410 (pcl), cùng tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu vực 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Hiện nay, thửa đất số 941

do ông Dương Văn Vinh và bà Phạm Thị Nhân cùng đứng tên, thửa đất số 964 do bà Lều Thị Yên đứng tên, thửa đất số 965 do ông Phùng Đăng Mạc đứng tên, thửa đất số 966 do bà Nguyễn Thị Long đứng tên, thửa đất số 977 do bà Lại Thị Thu Vân đứng tên và một phần thửa số 410 (pcl) do ông Nguyễn Văn Miệng đứng tên. Các thửa đất này đều nằm liền kề với nhau và liền kề thửa đất số 933, 934. Qua hồ sơ cấp giấy thể hiện việc thực hiện chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất trên đều không qua đo đạc thực tế.

[2.4] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện: thửa đất ông Lê Văn T xây nhà theo Mảnh trích đo địa chính số 25-2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phê duyệt ngày 25/02/2022 được xác định là thửa đất số 934, thửa đất số 933 do ông T đứng theo Mảnh trích đo xác định là giáp ranh với thửa đất mà ông T đang xây dựng nhà ở, nhưng hiện nay trên phần đất này, bà Lều Thị Yên đã xây dựng nhà kiên cố, có giấy phép xây dựng và theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lều Thị Yên đứng tên là thửa đất số 964, tờ bản đồ số 7, diện tích 95m<sup>2</sup>, loại đất ở tại đô thị.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 25-2022, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phê duyệt ngày 25/02/2022 xác định nhà của ông T, bà N xây dựng trên thửa đất số 934, loại đất CLN, tờ bản đồ số 7, do ông C, bà S đứng tên quyền sử dụng đất để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà S và buộc ông T, bà N di dời tài sản ra khỏi nhà trả lại quyền sử dụng đất diện tích 81m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 934, loại đất CLN, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An là chưa đủ cơ sở. Bởi lẽ, Mảnh trích đo địa chính số 25-2022 được phê duyệt ngày 25/02/2022 chỉ thể hiện duy nhất diện tích và hình thể thửa đất số 934, không thể hiện thửa đất số 933 mà ông Lê Văn T đứng tên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng lại không xác định được thửa đất số 933 mà ông T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ở đâu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà N. Xét thấy, cần phải đưa những người có quyền sử dụng đất được chia tách từ các thửa đất số 409, 410 cùng tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ như bà Nguyễn Thị Trung, bà Đỗ Lệ Khanh, ông Mai Văn Lâm và bà Đỗ Thị Kết vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa triệt để và chưa toàn diện.

[3] Từ những phân tích trên: Xét thấy những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không khắc phục được, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T.

Tuyên xử:

**1.** Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T được miễn án phí.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Thị Cẩm Hồng**